

Số: **676/2023/QĐST-VDS**

B, ngày 31 tháng 10 năm 2023

*V/v: Yêu cầu công nhận thuận
tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn*

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

*V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản
khi ly hôn*

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

****Với thành phần giải quyết việc dân sự:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thu Trang**

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà **Cao Thị Thanh Huyền** - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên họp: **Bà Bùi Mai Phương** -
Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận B mở phiên
hợp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 633/2023/TL-VDS ngày 17
tháng 10 năm 2023 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi
con, chia tài sản khi ly hôn*”, theo Quyết định mở phiên họp số: 514/QĐPH-DSST
ngày 23 tháng 10 năm 2023.

*** Người yêu cầu:**

- Ông Nguyễn K, sinh năm 1974

HKTT và nơi ở: Số 4 hẻm 194/70/4 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H

- Bà Phạm Thị Gia B1, sinh năm 1979

HKTT: Số 4, hẻm 194/70/4 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

Nơi ở: Phòng 501A, khu B2, ngõ 195 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

(Bà B1 có mặt, Ông K có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

***Theo đơn yêu cầu, bản tự khai và biên bản ghi lời khai tại Tòa án, người
yêu cầu là ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1 trình bày:***

1. Về tình cảm: Ông K và bà Phạm Thị Gia B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện,
có qua tìm hiểu và được hai bên gia đình cho tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại
Ủy ban nhân dân phường Đ1, quận B, thành phố H vào ngày 09/8/2004.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà của bố, mẹ ông Khiêm ở địa chỉ: số 4, hẻm 194/70/4 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H.

*** Về mâu thuẫn vợ chồng:**

- Theo ông K và bà B1 trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách suy nghĩ, cách nuôi dạy con cái, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, cuộc sống chung căng thẳng, cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay được gần 3 năm. Khi ly thân, bà B1 chuyển ra ngoài sống tại: phòng 501A khu B2, ngõ 195 Đ, phường Đ, quận B, thành phố H, còn ông K vẫn ở tại nhà của bố, mẹ ông.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, cả hai cũng đã gặp gỡ nói chuyện để tìm hướng giải quyết mâu thuẫn, nhưng không được do vợ chồng bất đồng, không có tiếng nói chung.

Gia đình nội, ngoại hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng và cũng có hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay cả ông K và bà B1 đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có nên cả hai cùng làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông K và bà B1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Nguyễn Thu N, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/10/2008. Hiện cả hai cháu đang ở với ông K.

- Cháu Nguyễn Thu N đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Đối với cháu Nguyễn Thùy D thì hai bên thỏa thuận giao cho ông Nguyễn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu D đối với bà B1 cho đến khi ông K có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Vợ chồng không có tài sản chung và nhà ở chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về khoản nợ chung: Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

6. Về lệ phí LHST: Bà Phạm Thị Gia B1 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự.

*** Tại phiên họp hôm nay:**

- Bà Phạm Thị Gia B1 vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Bà B1 giải trình về thời điểm vợ chồng bà sống ly thân là khoảng cuối năm 2018, thời điểm đầu khi sống ly thân, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng khác phòng. Đến đầu

năm 2021, bà B1 đi thuê nhà và chuyển ra ngoài ở và tính từ khi bà ra ngoài sống ly thân đến nay là gần 03 năm. Đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa bà và ông K. Ngoài ra người yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

- Ông Nguyễn K có đơn xin vắng mặt tại phiên họp và vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại đơn yêu cầu và lời khai tại Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết việc dân sự:**

- Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.
- Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Tòa án nhân dân quận B:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Ông K và bà B1 có 02 con chung là: Nguyễn Thu N, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/10/2008.

- Cháu Nguyễn Thu N đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Giao cháu Nguyễn Thùy D cho ông Nguyễn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu D đối với bà B1 cho đến khi ông K có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung :** Hai bên không có tài sản chung và nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về khoản nợ chung:** Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí LHST:** Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Gia B1 chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân quận B nhận định:

***Về tố tụng:**

- Người yêu cầu: Ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1 yêu cầu Tòa án giải quyết: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, ông Khiêm và bà Ban đều có HKTT: Số 4 hẻm 194/70/4 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H. Ông Khiêm hiện ở tại địa chỉ nơi có đăng ký hộ khẩu thường trú, còn bà Ban hiện ở tại địa chỉ: Phòng 501A, khu B2, ngõ 195 phố Đ, phường Đ, quận B, thành phố H, do vậy Tòa án nhân dân quận B thụ lý việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Ông Nguyễn K có đơn xin vắng mặt tại phiên Hợp, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên họp theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

- Ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu và được hai bên gia đình cho tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường phường Đ1, quận B, thành phố H vào ngày 09/8/2004. Đây là hôn nhân hôn hợp pháp .

- **Về mâu thuẫn vợ chồng:** Cả ông K và bà B1 đều xác nhận quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách suy nghĩ, cách nuôi dạy con cái, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, cuộc sống chung căng thẳng, cả hai đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không thành. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Thời điểm đầu khi sống ly thân, vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng khác phòng. Đến đầu năm 2021, bà B1 đi thuê nhà và chuyển ra ngoài sống, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến nhau. Nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, nên nhất trí làm đơn đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

- **Về con chung:** Ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1 có 02 con chung là: Nguyễn Thu N, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/10/2008.

- Cháu Nguyễn Thu N đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Khi ly hôn hai bên thỏa thuận: Giao cháu Nguyễn Thùy D cho ông Nguyễn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu D đối với bà B1 cho đến khi ông K có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung và nhà ở chung:** Hai bên không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- **Về các vấn đề khác:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Việc ông K và bà B1 đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trở nên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, và điều nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Yêu cầu của ông K và Bà B1 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Tòa án căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận thuận tình ly hôn thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa ông K và bà B1.

- Về lệ phí LHST: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phạm Thị Gia B1 chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự.

- Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

- Căn cứ biên bản phiên họp giải quyết việc dân sự ngày 31 tháng 10 năm 2023.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm h khoản 2 Điều 39, khoản 2 Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 396 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

I. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1.

2. Về con chung: Ông Nguyễn K và bà Phạm Thị Gia B1 có 02 con chung là: Nguyễn Thu N, sinh ngày 16/02/2005 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 27/10/2008.

- Cháu Nguyễn Thu N đã trưởng thành, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Giao cháu Nguyễn Thùy D cho ông Nguyễn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi cháu D đối với bà B1 cho đến khi ông K có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Hai bên không có tài sản chung và nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về các vấn đề khác: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí LHST: Bà Phạm Thị Gia B1 tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Dân sự đã nộp theo biên lai số 0008338 ngày 17 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B

II. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố H;
- VKS nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND phường Đ, quận , thành phố H
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

T

F

Ã

N

P

F

Á

N

—

C

F

Ủ

T

Ç

A

P

F

I

Ê

N

F

Ç

P

**N
g
u
y
ẽ
n**

**T
h
i**

**T
h
u**

**T
r
a
n
g**